A-hàm [Agama] (Wikipedia)

A-hàm — đọc thêm & đối chiếu

A-hàm – Wikipedia tiếng Việt https://vi.wikipedia.org/wiki/A-h%C3%A0m

A-hàm Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

A-hàm (zh. , , sa., pi. āgama) là tên phiên âm Hán-Việt, Kinh điển Phật giáo được đặt cho các bộ kinh căn bản của Phật giáo viết bằng Phạn văn, nội dung giống các Bộ kinh (pi. nikāya) thuộc văn hệ Pali.

Từ nguyên Kinh Trong Hán tạng, āgama có những cách phiên âm khác của: A-cấp- Bộ kinh & A-hàm kinh ma (zh.), A-già-ma (zh.), A-hàm-mộ (zh.), và được dịch ý là Pháp quy (), Pháp bản (), Pháp tạng (Chuyển pháp luân kinh), Giáo pháp () nghĩa là muôn pháp đều quy về nơi vô lậu, Pháp cú kinh căn bổn, Giáo phần (), Chủng chủng thuyết (), Vô tỉ Từ kinh pháp () nghĩa là cái pháp mầu nhiệm không lấy gì so sánh Bản sinh kinh được, Truyền giáo (), Tịnh giáo (), Thú vô (), Giáo Tứ niệm xứ kinh (), Truyền (), Quy (), Lai (), Tàng (). Đại-bát Niết-bàn kinh Bát-nhã kinh Các học giả hiện đại giải nghĩa thuật ngữ āgama từ gốc āgam Bát-nhã tâm kinh tiếng Phạn là đi đến và dịch là Thú quy (), Tri thức (), Bát thiên tụng bát-nhã kinh Thánh ngôn (), Thánh huấn tập () hoặc chung là kinh Kim Cương kinh điển (), là những gì được mang đến, truyền đến ngày nay. Tiểu phẩm bát-nhã kinh Đại phẩm bát-nhã kinh Phân loại Đại Nhật kinh Pháp Hoa kinh Hoa Nghiêm kinh A-hàm tập hợp các giáo lý cơ bản của Phật giáo như Tứ diệu đế, Bát Lăng-nghiêm kinh chính đạo, Thập nhị nhân duyên, Duyên khởi, Nghiệp... Các Bộ Viên Giác Kinh kinh thuộc văn hệ Pali phần lớn đều trùng hợp với A-hàm. Tuy A-di-đà kinh nhiên, có sự khác biệt phân loại các A-hàm, dẫn đến hình thành 2 Kim quang minh kinh cách phân loại khác nhau, được gọi là Tứ A-hàm và Ngũ A-hàm. Tô tất đế yết la kinh Thắng Man kinh Thập địa kinh Tứ A-hàm Duy-ma-cật sở thuyết kinh Giải thâm mật kinh Đây là cách phân loại phổ biến nhất, được các tài liệu như Bát-nê- Nhập Lăng-già kinh hoàn kinh quyển hạ, Hữu Bộ Tỳ-nại-da tạp sự 39, Đại trí độ luận, Niết bàn kinh Du-già-sư-địa luận 85, Đại Bát-niết-bàn kinh 13 (bản Bắc), Đại Tịnh độ Tam Kinh thừa Đại tập Địa Tạng thập luân kinh 2v.v..., ghi nhận. Theo đó, có bốn bộ A-hàm: Phật thuyết vô lượng thọ kinh Phật thuyết A Di Đà kinh 1. Trường a-hàm (zh. , sa. dīrghāgama) gồm 30 bản kinh; Quán vô lượng thọ kinh

2. Trung a-hàm (zh. , sa. mādhyamāgama), tập trung về
Luận các vấn đề siêu nhiên;
3. Tăng nhất a-hàm (zh. , sa. ekottarikāgama). A-tì-đạt-ma
Bảo tính luận
4. Tạp a-hàm (zh. , sa. saṃyuktāgama), với nhiều đề tài
Bồ-đề đạo đăng luận khác nhau như quán tưởng và thiền định;
Câu-xá luận
Du-già sư địa luận

Cách phân loại này không có thêm phần thứ năm tương ứng với
1 of 2 8/04/2023, 12:19 pm

A-hàm – Wikipedia tiếng Việt https://vi.wikipedia.org/wiki/A-h%C3%A0m

Tiểu bộ kinh (pi. khuddaka-nikāya) của Bộ kinh. Duy thức nhị thập tụng Đại thừa khởi tín luận Nhập Bồ-đề hành luận Ngũ A-hàm Nhiếp đại thừa luận Tập Bồ Tát học luận Cách phân loại này nhằm nhấn mạnh sự tương ứng giữa A-hàm và Nhiếp chân thật luận Bộ kinh, do đó có thêm phần thứ năm Ksudraka Agama tương ứng Tập lượng luận với Tiểu bộ kinh (pi. khuddaka-nikāya) của Bộ kinh. Tuy vậy, có Thành duy thức luận sự khác biệt đáng kể trong cách sắp xếp 5 bộ A-hàm. Trung quán luận Thanh tịnh đạo luận Thiện Kiến Tỳ-bà-sa luật 1, Đại A-la-hán Nan-đề-mật-đa-la sở Pháp trụ ký v.v... phân thành Trường A-hàm, Trung A-hàm, Tăng-thuật-đa (Tương ưng), Ương-quật-đa-la (Tăng nhất) và Khuất-đà-ca (Tạp loại). Ngũ phần luật 30, Ma-ha Tăng-kỳ luật 32, Tứ phần luật 5, Phân biệt công đức luận 1, v.v... gọi Khuất-đa-ca A-hàm là Tạp tạng. Tỳ-nại-da Tiểu phẩm (Vinaya - cùlavagga), Nhất thiết Thiện Kiến (Samanta – pàsàdika 1) và bài tựa của Trường Bộ Kinh Chú (Sumangala - vllàsinĩ), phân loạt 5 bộ kinh là Trường, Trung, Tương ưng, Tăng chi và Tiểu phẩm A-hàm.

Chú thích

Tham khảo inh-thanh-a-ham-d36730.html) /a137/khai-quat-ve-nguon-goc-kinh-a-ham) Fo Guang Ta-tz'u-tien . Fo Guang Ta-tz'u-tien pien-hsiu wei-yuan-hui . Taipei: Fo-Guang ch'u-pan-she, 1988. (Phật Quang Đại Từ điển. Phật Quang Đại Từ điển biên tu uỷ viên hội. Đài Bắc: Phật Quang xuất bản xã, 1988.) Das Lexikon der Östlichen Weisheitslehren, Bern 1986. Bảng các chữ viết tắt bo.: Bod skad , tiếng Tây Tạng | ja.: tiếng Nhật | ko.: , tiếng Triều Tiên | pi.: Pāli, tiếng Pali | sa.: Sanskrit , tiếng Phạn | zh.: chữ Hán

2 of 2 8/04/2023, 12:19 pm

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.